

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kết quả điểm số, xếp hạng và Báo cáo kết quả
đánh giá năng lực cạnh tranh cấp Sở, ban, ngành và địa phương (DDCI)
thành phố Hải Phòng năm 2024

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 05/01/2024 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2024;

Căn cứ Kế hoạch số 141/KH-UBND ngày 30/5/2018 của Ủy ban nhân dân thành phố triển khai thực hiện Nghị quyết số 19/2018/NQ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2018 và những năm tiếp theo;

Căn cứ Quyết định số 4050/QĐ-UBND ngày 01/12/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế đánh giá, xếp loại công chức, viên chức diện Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố đánh giá, xếp loại hàng năm ban hành kèm theo Quyết định số 2250/QĐ-UBND ngày 09/8/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố;

Căn cứ Kế hoạch số 76/KH-UBND ngày 24/4/2024 về triển khai đánh giá DDCI năm 2024;

Căn cứ Quyết định số 3944/QĐ-UBND ngày 28/10/2024 của Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt báo cáo phương pháp luận và ban hành Bộ chỉ số đánh giá năng lực cạnh tranh cấp Sở, ban, ngành và địa phương (DDCI) thành phố Hải Phòng năm 2024;

Theo đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 71/TTr-KHĐT ngày 18/12/2024 về việc phê duyệt kết quả điểm số, xếp hạng và Báo cáo kết quả đánh giá năng lực cạnh tranh cấp Sở, ban, ngành và địa phương (DDCI) thành phố Hải Phòng năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả điểm số, xếp hạng và Báo cáo kết quả đánh giá năng lực cạnh tranh cấp Sở, ban, ngành và địa phương (DDCI) thành phố Hải Phòng năm 2024 (*chi tiết tại các Phụ lục kèm theo*).

Điều 2. Giao các Sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các quận, huyện có kết quả điểm số, xếp hạng tại Phụ lục kèm theo Quyết định này tổ chức rà soát, phân tích, nghiên cứu sâu kết quả đánh giá từng chỉ số thành phần trong Bộ chỉ số DDCI, xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch cải thiện chất lượng quản trị, điều hành kinh tế của đơn vị mình, đưa ra nhiều chiến lược, giải pháp mang tính đột phá về cải cách hành chính, đóng góp vào việc nâng cao, cải thiện chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) cũng như chất lượng phục vụ doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh của thành phố trong năm 2025.

Điều 3. Giao Sở Nội vụ sử dụng kết quả DDCI 2024 làm chỉ tiêu đánh giá, xếp loại công chức, viên chức diện Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố đánh giá, xếp loại hàng năm theo Quyết định số 4050/QĐ-UBND ngày 01/12/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế đánh giá, xếp loại công chức, viên chức diện Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố đánh giá, xếp loại hàng năm ban hành kèm theo Quyết định số 2250/QĐ-UBND ngày 09/8/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố; đồng thời sử dụng kết quả DDCI 2024 gắn với công tác thi đua, khen thưởng của các Sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các quận, huyện.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc các Sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện căn cứ Quyết định thi hành.

Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- TTTU, TT HĐND TP (để b/c);
- CT, các PCT UBND TP;
- Bí thư các Quận ủy, Huyện ủy;
- Sở Nội vụ;
- Đài PT-TH HP, Báo HP, Cổng TTĐT TP;
- Các Phòng TCNS, NCKTGS;
- Lưu: VT, TC2

CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Tùng

PHỤ LỤC I
Kết quả điểm số, xếp hạng năng lực cạnh tranh
cấp Sở, ban, ngành của thành phố Hải Phòng năm 2024
(Kèm theo Quyết định số ~~5008~~ /QĐ-UBND ngày 30/12/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố)

STT	Đơn vị	Điểm số (Thang điểm 100)	Xếp hạng	Vị trí
1	Cục Thuế thành phố	78,35	Khá	1
2	Sở Kế hoạch và Đầu tư	77,99	Khá	2
3	Sở Tài chính	77,93	Khá	3
4	Sở Văn hóa và Thể thao	77,90	Khá	4
5	Công an thành phố	77,70	Khá	5
6	Ban quản lý Khu kinh tế Hải Phòng	76,41	Khá	6
7	Sở Du lịch	76,36	Khá	7
8	Cục Hải quan thành phố	75,63	Khá	8
9	Sở Giáo dục và Đào tạo	75,40	Khá	9
10	Ngân hàng Nhà nước - Chi nhánh Hải Phòng	75,38	Khá	10
11	Sở Thông tin và Truyền thông	75,13	Khá	11
12	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	75,05	Khá	12
13	Sở Giao thông vận tải	74,18	Khá	13
14	Sở Khoa học và Công nghệ	73,83	Khá	14
15	Sở Tài nguyên và Môi trường	73,68	Khá	15
16	Bảo hiểm xã hội thành phố	73,60	Khá	16
17	Sở Tư pháp	73,51	Khá	17
18	Sở Y tế	73,33	Khá	18
19	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	73,30	Khá	19
20	Sở Công Thương	71,94	Khá	20
21	Sở Xây dựng	71,69	Khá	21

Điểm trung bình cấp Sở, ban, ngành đạt 75,15 điểm, giảm 1,44 điểm so với năm 2023

PHỤ LỤC II

**Kết quả điểm số, xếp hạng năng lực cạnh tranh
cấp địa phương của thành phố Hải Phòng năm 2024**

(Kèm theo Quyết định số **5009/QĐ-UBND** ngày **30/12/2024** của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố)

STT	Đơn vị	Điểm số (Thang điểm 100)	Xếp hạng	Vị trí
1	UBND quận Hồng Bàng	90,01	Rất tốt	1
2	UBND quận Ngô Quyền	89,44	Tốt	2
3	UBND huyện Thủy Nguyên	84,56	Tốt	3
4	UBND quận Hải An	83,34	Tốt	4
5	UBND huyện Tiên Lãng	83,29	Tốt	5
6	UBND huyện Vĩnh Bảo	83,21	Tốt	6
7	UBND quận Dương Kinh	81,61	Tốt	7
8	UBND quận Lê Chân	81,43	Tốt	8
9	UBND quận Đồ Sơn	81,34	Tốt	9
10	UBND huyện Cát Hải	79,70	Khá	10
11	UBND quận Kiến An	74,65	Khá	11
12	UBND huyện An Lão	73,00	Khá	12
13	UBND huyện Kiến Thụy	72,86	Khá	13
14	UBND huyện An Dương	72,68	Khá	14

Điểm trung bình cấp địa phương đạt 80,80 điểm, giảm 2,64 điểm so với năm 2023